

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ II LỚP 5	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1	3	14
ĐỀ SỐ 2	5	16
ĐỀ SỐ 3	7	18
ĐỀ SỐ 4	9	20
ĐỀ SỐ 5	11	22



A. HỆ THỐNG ĐỀ THI



ĐỀ SỐ 1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Chữ số 6 trong số thập phân 13,069 thuộc hàng nào?

- A. Hàng đơn vị
B. Hàng phần mười
C. Hàng phần trăm
D. Hàng phần nghìn

Câu 2. Ngày giải phóng miền Nam, Thống nhất Đất nước 30/4/1975 thuộc thế kỉ nào?

- A. XX
B. XIX
C. XVII
D. XVIII

Câu 3. Một con voi nặng 4 tấn 600kg. Hỏi con voi đó nặng bao nhiêu tấn?

- A. 4,06 tấn
B. 4,6 tấn
C. 4600 tấn
D. 46 tấn

Câu 4. Một người đi xe máy với vận tốc 40 km/giờ. Vậy sau 2 giờ người đó đi được:

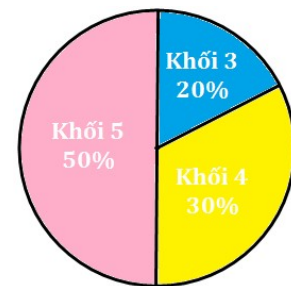
- A. 40km
B. 80km
C. 20km
D. 60km

Câu 5. Diện tích hình tròn có bán kính 5cm là:

- A. 314cm^2
B. $15,7\text{cm}^2$
C. $78,5\text{cm}^2$
D. $75,8\text{cm}^2$

Câu 6. Dịp nghỉ hè, bạn Hoa thường làm hoa bằng giấy để bán. Biết trung bình Hoa làm mỗi bông hoa mất 15 phút. Hỏi Hoa làm 20 bông hoa như thế mất bao nhiêu thời gian?

- A. 200 phút
B. 5 giờ
C. 5 giờ 20 phút
D. 6 giờ

Câu 7. Biểu đồ bên thống kê số học sinh của mỗi khối lớp tham gia Câu lạc bộ STEM của một trường tiểu học. Biết tổng số học sinh tham gia Câu lạc bộ STEM là 60 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh Khối lớp 4 tham gia Câu lạc bộ STEM?

- A. 30 học sinh
B. 24 học sinh
C. 12 học sinh
D. 18 học sinh

Câu 8. Một hình lập phương có thể tích là 64cm^3 . Tổng độ dài tất cả các cạnh của hình lập phương đó là:

- A. 24cm
B. 36cm
C. 48cm
D. 96cm

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $5 \text{ năm } 8 \text{ tháng} + 8 \text{ năm } 5 \text{ tháng}$

b) $24 \text{ giờ } 12 \text{ phút} - 10 \text{ giờ } 18 \text{ phút}$

c) $6 \text{ phút } 40 \text{ giây} \times 8$

d) $12 \text{ ngày } 20 \text{ giờ} : 4$

Bài 2. Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng bể là: chiều dài 3m, chiều rộng 25dm và chiều cao 1,2m. Hỏi:

a) Khi bể đầy thì bể chứa được bao nhiêu lít nước?

b) Khi bể không có nước người ta mở vòi cho chảy vào bể, mỗi giờ được $0,5\text{m}^3$. Hỏi sau mấy giờ thì đầy bể?**Bài 3.** Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ 15 phút và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48 km/giờ. Tính khoảng cách giữa hai tỉnh A, B.**Bài 4.** Một ca nô đi xuôi dòng quãng sông AB dài 20km hết 48 phút và đi ngược dòng hết 1 giờ. Hỏi một cụm bèo trôi hết quãng sông AB hết bao nhiêu thời gian?**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Chữ số 7 trong số thập phân nào sau đây có giá trị là 0,07?

- A. 12,75 B. 6,27 C. 1,027 D. 75,68

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ trống để 6 tấn 350kg = tấn là:

- A. 6,35 B. 6,035 C. 635 D. 6350

Câu 3. Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đánh tan quân Mông Nguyên lần thứ ba thuộc thế kỉ nào?

- A. XII B. XI C. XIII D. XIV

Câu 4. Một người chạy với vận tốc 8 km/giờ. Vậy mỗi giờ người đó đi được:

- A. 8km B. 4km C. 16km D. 80km

Câu 5. Trung bình làm 5 sản phẩm hết 15 phút. Hỏi làm 30 sản phẩm như thế hết bao nhiêu thời gian?

- A. 1 giờ 30 phút B. 1 giờ 15 phút C. 2 giờ D. 450 phút

Câu 6. Diện tích hình tròn có đường kính 8cm là:

- A. 200,96cm² B. 25,12cm² C. 50,24cm² D. 50,42cm²

Câu 7. 25% của 80kg là:

- A. 20kg B. 25kg C. 24kg D. 30kg

Câu 8. Một hình lập phương có tổng độ dài tất cả các cạnh là 60cm. Diện tích xung quanh của hình lập phương đó là:

- A. 1000cm² B. 25cm² C. 150cm² D. 100cm²

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) 1 thế kỉ 80 năm + 3 thế kỉ 45 năm

b) 15 giờ 20 phút – 9 giờ 45 phút

c) 15 phút 20 giây \times 4

d) 13 giờ 20 phút : 5

Bài 2. Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật (không nắp) có chiều dài 2m, chiều rộng 1,5m, chiều cao 0,8m.

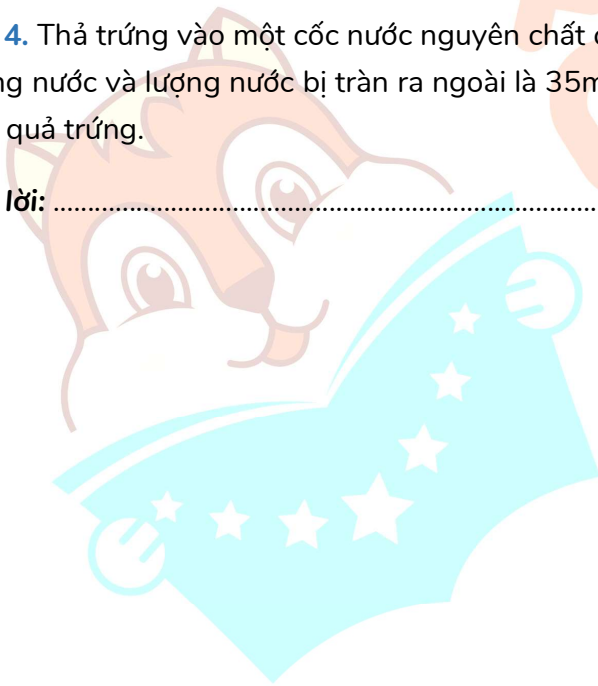
a) Tính diện tích kính làm bể cá đó.

b) Tính thể tích của bể cá đó.

Bài 3. Một xe máy xuất phát từ tỉnh A lúc 6 giờ 15 phút với vận tốc 40 km/giờ để đến tỉnh B. Biết khoảng cách hai tỉnh A, B là 30km. Hỏi:

a) Xe máy đi từ tỉnh A đến tỉnh B hết mấy giờ?

b) Xe máy đến tỉnh B lúc mấy giờ?

Bài 4. Thả trứng vào một cốc nước nguyên chất có chứa 180ml nước thì trứng bị chìm hoàn toàn trong nước và lượng nước bị tràn ra ngoài là 35ml. Biết cốc nước có thể tích 200ml. Tính thể tích của quả trứng.**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 3

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số cần điền thích hợp vào chỗ chấm để 19 tấn 5 yến = tấn là:

- A. 19,5 B. 19,05 C. 1905 D. 1950

Câu 2. Hỗn số $8\frac{2}{5}$ bằng số thập phân nào dưới đây?

- A. 8,25 B. 8,2 C. 8,4 D. 8,5

Câu 3. Ông Nam sinh năm 1932. Hỏi ông Nam được sinh ra vào thế kỉ nào?

- A. XVIII B. XIX C. XX D. XXI

Câu 4. Tỷ số phần trăm của 12kg và 16kg là:

- A. 0,75% B. 75% C. 80% D. 60%

Câu 5. Chu vi hình tròn có bán kính 10cm là:

- A. 62,8cm B. 31,4cm C. 314cm D. 68,2cm

Câu 6. Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 2,5m, chiều rộng 12dm, chiều cao 10dm. Tính thể tích của hình hộp chữ nhật đó.

- A. 30 lít B. 300 lít C. 3 lít D. 3000 lít

Câu 7. Diện tích xung quanh của hình lập phương cạnh 3dm là:

- A. 18dm² B. 54dm² C. 36dm² D. 12dm²

Câu 8. Một đoàn xe lửa dài 250m chạy vào một đường hầm xuyên qua núi với vận tốc 45 km/giờ. Từ lúc toa đầu tiên chui vào hầm đến lúc toa cuối cùng ra khỏi hầm mất 180 giây. Hỏi đường hầm dài bao nhiêu ki-lô-mét?

- A. 2km B. 2,25km C. 2,5km D. 2,15km

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) 8 ngày 16 giờ + 5 ngày 8 giờ

b) 35 phút 8 giây – 10 phút 48 giây

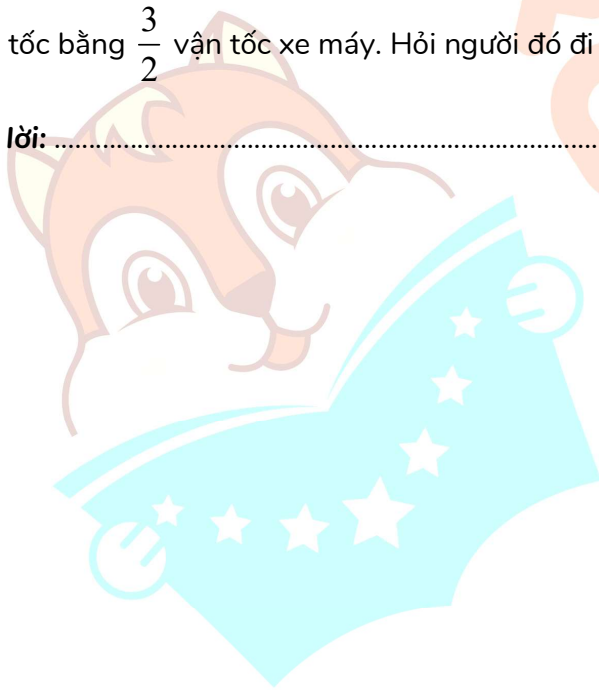
c) 10 giờ 50 phút \times 5

d) 22 phút 12 giây : 6

Bài 2. Người ta dùng gạch vuông cạnh 20cm để ốp xung quanh và đáy của một cái bể nước dạng hình hộp chữ nhật cao 1,5m; rộng 2m và dài 30dm. Tính số viên gạch cần dùng.**Bài 3.** Quãng đường AB dài 100km. Lúc 6 giờ 15 phút, một ô tô khởi hành từ A đi đến B với vận tốc 50 km/giờ, cùng lúc đó một xe máy khởi hành từ B đi đến A với vận tốc 30 km/giờ. Hỏi:

a) Ô tô và xe máy gặp nhau lúc mấy giờ?

b) Chỗ gặp nhau cách B bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 4. Một người đi từ A đến B bằng xe máy hết 1 giờ. Khi đi từ B về A người đó đi bằng ô tô với vận tốc bằng $\frac{3}{2}$ vận tốc xe máy. Hỏi người đó đi từ B về A mất bao nhiêu phút?**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 4

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Chữ số 8 trong số thập phân 345,89 có giá trị là:

- A. 0,8 B. 0,08 C. 0,008 D. 8

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$$2,5m^3 = \dots\dots\dots dm^3.$$

Câu 3. Tâm đi ngủ lúc 21 giờ, thức dậy lúc 5 giờ 30 phút. Hỏi Tâm đã ngủ trong bao lâu?

- A. 7 giờ 30 phút B. 8 giờ 30 phút
C. 8 giờ 15 phút D. 8 giờ 45 phút

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ trống để 1 giờ 25 phút = phút là:

- A. 85 B. 45 C. 49 D. 1,25

Câu 5. Tìm x, biết: $x : 0,01 - 1,2 = 3,8$.

- A. $x = 500$ B. $x = 0,05$ C. $x = 0,5$ D. $x = 0,005$

Câu 6. Tỷ số phần trăm của thể tích hình lập phương cạnh 1cm và hình lập phương cạnh 2cm là:

- A. 1,25% B. 12,5% C. 0,125% D. 125%

Câu 7. An đi 100m trong 2 phút. Với vận tốc như vậy, để đi được 1km thì An phải đi trong bao lâu?

- A. 10 phút B. 50 phút C. 100 phút D. 20 phút

Câu 8. Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật có đáy là hình vuông cạnh 5dm, chiều cao của bể là 2,4dm (các kích thước được đo trong lòng bể). Biết rằng 80% của bể đang có nước. Hỏi trong bể có bao nhiêu lít nước?

- A. 60 lít B. 38,4 lít C. 48 lít D. 50 lít

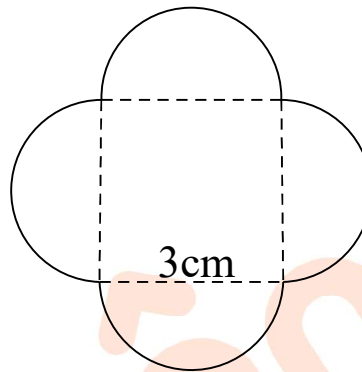
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $4 \text{ năm } 6 \text{ tháng} + 2 \text{ năm } 7 \text{ tháng}$

b) $13 \text{ giờ } 5 \text{ phút} - 4 \text{ giờ } 35 \text{ phút}$

c) $3 \text{ phút } 35 \text{ giây} \times 3$

d) $6 \text{ giờ } 15 \text{ phút} : 5$

Bài 2. Tính độ dài của sợi dây thép dùng để uốn thành bông hoa như hình sau (không kể hình vuông).**Bài 3.** Lúc 8 giờ 45 phút một xe đạp đi từ A với vận tốc 24,5 km/giờ. Cùng lúc đó, một xe gắn máy xuất phát từ điểm B đi cùng chiều và đuổi theo xe đạp với vận tốc 48,5 km/giờ. Biết quãng đường AB dài 96km. Hỏi:

a) Sau mấy giờ xe gắn máy đuổi kịp xe đạp?

b) Xe gắn máy đuổi kịp xe đạp lúc mấy giờ?

Bài 4. Một viên gạch dạng hình hộp chữ nhật có chiều rộng bằng chiều cao và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính thể tích của viên gạch biết tổng chiều dài và chiều rộng của viên gạch là 33cm.**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 5

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Hiệu giá trị của các chữ số 5 trong số 15,509 là:

- A. 0 B. 5,5 C. 4,5 D. 4,95

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ trống để $8m^3 6dm^3 = \dots\dots\dots m^3$ là:

- A. 8,6 B. 8,06 C. 860 D. 8,006

Câu 3. Một ô tô đi hết quãng đường dài 94,5km với vận tốc 42 km/giờ. Thời gian ô tô đó đi là:

- A. 3 giờ 15 phút B. 2 giờ 10 phút C. 2 giờ 15 phút D. 1 giờ

Câu 4. Trong các vận tốc sau, vận tốc nào lớn nhất?

- A. 810 m/phút B. 0,78 km/phút C. 12,5 m/giây D. 48 km/giờ

Câu 5. Một cái bể có thể tích là $4m^3 5dm^3$ thì chứa được nhiều nhất số lít nước là:

- A. 450l B. 405l C. 4005l D. 4500l

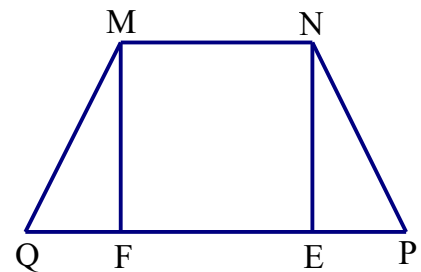
Câu 6. Công trình Quảng trường và Tượng đài Hồ Chí Minh ở thành phố Vinh được khởi công xây dựng vào năm 2000, khánh thành vào ngày 19 tháng 5 năm 2003, đúng dịp kỉ niệm 113 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hỏi Quảng trường đã hoàn thành vào thế kỉ nào?

- A. XIX B. XX C. XXI D. XXII

Câu 7. Cho hình bên, biết MNEF là hình vuông có cạnh 3cm,

$MN = \frac{1}{2} PQ$. Tính diện tích hình thang MNPQ.

- A. $27cm^2$ B. $13,5cm^2$
C. $54cm^2$ D. $14,5cm^2$



Câu 8. Một người bán hàng lãi 200 000 đồng và số tiền đó bằng 10% số tiền vốn bỏ ra. Tìm số tiền vốn người đó bỏ ra.

- A. 20 000 000 đồng B. 2 000 000 đồng
C. 20 000 đồng D. 200 000 000 đồng

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) 12 ngày 15 giờ + 9 ngày 14 giờ

b) 14 giờ 2 phút – 8 giờ 19 phút

c) 2 phút 23 giây \times 4

d) 22 năm 3 tháng : 3

Bài 2. Một căn phòng dạng hình hộp chữ nhật chứa được 36 người và mỗi người có đủ $4,5\text{m}^3$ không khí để thở. Biết chiều cao căn phòng là 4m. Tính diện tích căn phòng đó.**Bài 3.** Quãng sông AB dài 72km. Lúc 5 giờ, một ca nô chạy từ A xuôi dòng sông đến B, nghỉ tại B 80 phút rồi ngược dòng sông trở về A. Hỏi lúc mấy giờ ca nô ấy về tới A? Biết vận tốc ca nô khi nước lặng là 25 km/giờ và vận tốc dòng nước là 5 km/giờ.**Bài 4.** Khi đi cùng một quãng đường, nếu tăng vận tốc thêm 25% thì thời gian sẽ giảm đi bao nhiêu phần trăm?**Trả lời:**

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	B	C	B	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 5 năm 8 tháng + 8 năm 5 tháng

b) 24 giờ 12 phút – 10 giờ 18 phút

c) 6 phút 40 giây \times 8

d) 12 ngày 20 giờ : 4

Lời giải

a) 5 năm 8 tháng + 8 năm 5 tháng = **14 năm 1 tháng.**

b) 24 giờ 12 phút – 10 giờ 18 phút = **13 giờ 54 phút.**

c) 6 phút 40 giây \times 8 = **53 phút 20 giây.**

d) 12 ngày 20 giờ : 4 = **3 ngày 5 giờ.**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (2 điểm) Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng bể là: chiều dài 3m, chiều rộng 25dm và chiều cao 1,2m. Hỏi:

a) Khi bể đầy thì bể chứa được bao nhiêu lít nước?

b) Khi bể không có nước người ta mở vòi cho chảy vào bể, mỗi giờ được 0,5m³. Hỏi sau mấy giờ thì đầy bể?

Lời giải

Đổi: 3m = 30dm; 1,2m = 12dm; 0,5m³ = 500 lít.

a) Khi bể đầy thì bể chứa được số lít nước là:

$$30 \times 25 \times 12 = 9000 \text{ (dm}^3\text{)} = 9000 \text{ lít.}$$

b) Bể đầy sau số giờ là:

$$9000 : 500 = 18 \text{ (giờ)}.$$

Đáp số: a) 9000 lít nước; b) 18 giờ.

Bài 3. (1,5 điểm) Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ 15 phút và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48 km/giờ. Tính khoảng cách giữa hai tỉnh A, B.

Lời giải

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$10 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 6 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 4 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 4,5 \text{ giờ}.$$

Khoảng cách giữa hai tỉnh A, B là:

$$48 \times 4,5 = 216 \text{ (km)}.$$

Đáp số: 216km.

Bài 4. (0,5 điểm) Một ca nô đi xuôi dòng quãng sông AB dài 20km hết 48 phút và đi ngược dòng hết 1 giờ. Hỏi một cụm bèo trôi hết quãng sông AB hết bao nhiêu thời gian?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Thời gian cụm bèo trôi hết quãng sông AB là: **8 giờ**.

(Nhận xét: Vận tốc bèo trôi bằng vận tốc dòng nước.

Đổi: 48 phút = 0,8 giờ.

Vận tốc ca nô xuôi dòng là: $20 : 0,8 = 25 \text{ (km/giờ)}$.

Vận tốc ca nô ngược dòng là: $20 : 1 = 20 \text{ (km/giờ)}$.

Vận tốc dòng nước là: $(25 - 20) : 2 = 2,5 \text{ (km/giờ)}$.

Thời gian cụm bèo trôi hết quãng sông AB là: $20 : 2,5 = 8 \text{ (giờ)}$.)

ĐỀ SỐ 2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	A	A	C	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 1 thế kỉ 80 năm + 3 thế kỉ 45 năm

b) 15 giờ 20 phút – 9 giờ 45 phút

c) 15 phút 20 giây \times 4

d) 13 giờ 20 phút : 5

Lời giải

a) 1 thế kỉ 80 năm + 3 thế kỉ 45 năm = **5 thế kỉ 25 năm.**

b) 15 giờ 20 phút – 9 giờ 45 phút = **5 giờ 35 phút.**

c) 15 phút 20 giây \times 4 = **61 phút 20 giây.**

d) 13 giờ 20 phút : 5 = **2 giờ 40 phút.**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật (không nắp) có chiều dài 2m, chiều rộng 1,5m, chiều cao 0,8m.

a) Tính diện tích kính làm bể cá đó.

b) Tính thể tích của bể cá đó.

Lời giải

a) Diện tích xung quanh của bể cá là: $(2 + 1,5) \times 2 \times 0,8 = 5,6$ (m²).

Diện tích kính làm bể cá là: $5,6 + 2 \times 1,5 = 8,6$ (m²).

b) Thể tích của bể cá đó là:

$$2 \times 1,5 \times 0,8 = 2,4$$
 (m³).

Đáp số: a) 8,6m²;b) 2,4m³.

Bài 3. (2 điểm) Một xe máy xuất phát từ tỉnh A lúc 6 giờ 15 phút với vận tốc 40 km/giờ để đến tỉnh B. Biết khoảng cách hai tỉnh A, B là 30km. Hỏi:

- Xe máy đi từ tỉnh A đến tỉnh B hết mấy giờ?
- Xe máy đến tỉnh B lúc mấy giờ?

Lời giải

a) Thời gian xe máy đi từ tỉnh A đến tỉnh B là:

$$30 : 40 = 0,75 \text{ (giờ)} = 45 \text{ phút.}$$

b) Xe máy đến tỉnh B lúc:

$$6 \text{ giờ } 15 \text{ phút} + 45 \text{ phút} = 7 \text{ giờ.}$$

Đáp số: a) 0,75 giờ; b) 7 giờ.

Bài 4. (0,5 điểm) Thả trứng vào một cốc nước nguyên chất có chứa 180ml nước thì trứng bị chìm hoàn toàn trong nước và lượng nước bị tràn ra ngoài là 35ml. Biết cốc nước có thể tích 200ml. Tính thể tích của quả trứng.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Thể tích của quả trứng là: **55cm³**.

(Đổi: 180ml = 180cm³; 35ml = 35cm³; 200ml = 200cm³.)

Thể tích của quả trứng là: $200 + 35 - 180 = 55 \text{ (cm}^3\text{.)}$

ĐỀ SỐ 3

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	C	B	A	D	C	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 8 ngày 16 giờ + 5 ngày 8 giờ

b) 35 phút 8 giây – 10 phút 48 giây

c) 10 giờ 50 phút \times 5

d) 22 phút 12 giây : 6

Lời giải

a) 8 ngày 16 giờ + 5 ngày 8 giờ = **14 ngày.**

b) 35 phút 8 giây – 10 phút 48 giây = **24 phút 20 giây.**

c) 10 giờ 50 phút \times 5 = **54 giờ 10 phút.**

d) 22 phút 12 giây : 6 = **3 phút 42 giây.**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Người ta dùng gạch vuông cạnh 20cm để ốp xung quanh và đáy của một cái bể nước dạng hình hộp chữ nhật cao 1,5m; rộng 2m và dài 30dm. Tính số viên gạch cần dùng.

Lời giải

Đổi: 20cm = 2dm; 1,5m = 15dm; 2m = 20dm.

Diện tích xung quanh của cái bể là: $(30 + 20) \times 2 \times 15 = 1500$ (dm²).

Diện tích cần ốp gạch là: $1500 + 30 \times 20 = 2100$ (dm²).

Diện tích viên gạch vuông là: $2 \times 2 = 4$ (dm²).

Số viên gạch cần dùng là: $2100 : 4 = 525$ (viên).

Đáp số: 525 viên gạch.

Bài 3. (2 điểm) Quãng đường AB dài 100km. Lúc 6 giờ 15 phút, một ô tô khởi hành từ A đi đến B với vận tốc 50 km/giờ, cùng lúc đó một xe máy khởi hành từ B đi đến A với vận tốc 30 km/giờ. Hỏi:

- a) Ô tô và xe máy gặp nhau lúc mấy giờ?
b) Chỗ gặp nhau cách B bao nhiêu ki-lô-mét?

Lời giải

a) Tổng vận tốc hai xe là: $50 + 30 = 80$ (km/giờ).

Ô tô và xe máy gặp nhau sau thời gian là: $100 : 80 = 1,25$ (giờ) = 1 giờ 15 phút.

Ô tô và xe máy gặp nhau lúc: 6 giờ 15 phút + 1 giờ 15 phút = 7 giờ 30 phút.

b) Chỗ gặp nhau cách B số ki-lô-mét là: $30 \times 1,25 = 37,5$ (km).

Đáp số: a) 7 giờ 30 phút; b) 37,5km.

Bài 4. (0,5 điểm) Một người đi từ A đến B bằng xe máy hết 1 giờ. Khi đi từ B về A người đó đi bằng ô tô với vận tốc bằng $\frac{3}{2}$ vận tốc xe máy. Hỏi người đó đi từ B về A mất bao nhiêu phút?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Người đó đi từ B về A mất **40 phút**.

(Nhận xét: Trên cùng một quãng đường, thời gian và vận tốc tỉ lệ nghịch với nhau.

Vì vận tốc ô tô bằng $\frac{3}{2}$ vận tốc xe máy nên thời gian ô tô đi bằng $\frac{2}{3}$ thời gian xe máy đi.

Vậy thời gian người đó đi ô tô từ B về A là: $1 \times \frac{2}{3} = \frac{2}{3}$ (giờ) = 40 phút.)

ĐỀ SỐ 4

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	2500	B	A	B	B	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 4 năm 6 tháng + 2 năm 7 tháng

b) 13 giờ 5 phút – 4 giờ 35 phút

c) 3 phút 35 giây \times 3

d) 6 giờ 15 phút : 5

Lời giải

a) 4 năm 6 tháng + 2 năm 7 tháng = **7 năm 1 tháng.**

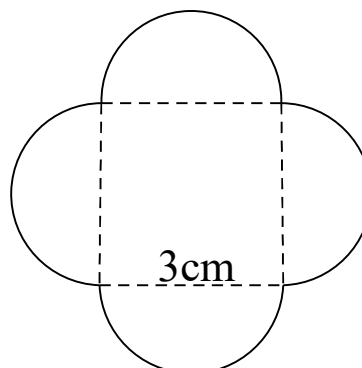
b) 13 giờ 5 phút – 4 giờ 35 phút = **8 giờ 30 phút.**

c) 3 phút 35 giây \times 3 = **10 phút 45 giây.**

d) 6 giờ 15 phút : 5 = **1 giờ 15 phút.**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Tính độ dài của sợi dây thép dùng để uốn thành bông hoa như hình sau (không kể hình vuông).



Lời giải

Quan sát hình ta thấy, độ dài sợi dây thép dùng để uốn thành bông hoa bằng 2 lần chu vi của hình tròn đường kính 3cm.

Chu vi hình tròn đường kính 3cm là: $3 \times 3,14 = 9,42$ (cm).

Độ dài sợi dây thép dùng để uốn thành bông hoa là: $9,42 \times 2 = 18,84$ (cm).

Đáp số: 18,84cm.

Bài 3. (2 điểm) Lúc 8 giờ 45 phút một xe đạp đi từ A với vận tốc 24,5 km/giờ. Cùng lúc đó, một xe gắn máy xuất phát từ điểm B đi cùng chiều và đuổi theo xe đạp với vận tốc 48,5 km/giờ. Biết quãng đường AB dài 96km. Hỏi:

a) Sau mấy giờ xe gắn máy đuổi kịp xe đạp?

b) Xe gắn máy đuổi kịp xe đạp lúc mấy giờ?

Lời giải

a) Hiệu vận tốc hai xe là: $48,5 - 24,5 = 24$ (km/giờ).

Xe gắn máy đuổi kịp xe đạp sau số giờ là: $96 : 24 = 4$ (giờ).

b) Xe gắn máy đuổi kịp xe đạp lúc: 8 giờ 45 phút + 4 giờ = 12 giờ 45 phút.

Đáp số: a) 4 giờ; b) 12 giờ 45 phút.

Bài 4. (0,5 điểm) Một viên gạch dạng hình hộp chữ nhật có chiều rộng bằng chiều cao và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính thể tích của viên gạch biết tổng chiều dài và chiều rộng của viên gạch là 33cm.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Thể tích của viên gạch là: **2662cm^3** .

(Vì chiều dài gấp đôi chiều rộng nên coi chiều rộng là 1 phần thì chiều dài là 2 phần như thế.

Chiều rộng viên gạch là: $33 : (1 + 2) \times 1 = 11$ (cm).

Do đó, chiều cao viên gạch cũng bằng 11cm.

Chiều dài viên gạch là: $11 \times 2 = 22$ (cm).

Thể tích của viên gạch là: $22 \times 11 \times 11 = 2662$ (cm^3).

ĐỀ SỐ 5

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	A	C	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 12 ngày 15 giờ + 9 ngày 14 giờ

b) 14 giờ 2 phút – 8 giờ 19 phút

c) 2 phút 23 giây \times 4

d) 22 năm 3 tháng : 3

Lời giải

a) 12 ngày 15 giờ + 9 ngày 14 giờ = **22 ngày 5 giờ.**

b) 14 giờ 2 phút – 8 giờ 19 phút = **5 giờ 43 phút.**

c) 2 phút 23 giây \times 4 = **9 phút 32 giây.**

d) 22 năm 3 tháng : 3 = **7 năm 5 tháng.**

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Một căn phòng dạng hình hộp chữ nhật chứa được 36 người và mỗi người có đủ $4,5m^3$ không khí để thở. Biết chiều cao căn phòng là 4m. Tính diện tích căn phòng đó.

Lời giải

Thể tích của căn phòng đó là: $4,5 \times 36 = 162 (m^3)$.

Diện tích căn phòng đó là: $162 : 4 = 40,5 (m^2)$.

Đáp số: $40,5m^2$.

Bài 3. (2 điểm) Quãng sông AB dài 72km. Lúc 5 giờ, một ca nô chạy từ A xuôi dòng sông đến B, nghỉ tại B 80 phút rồi ngược dòng sông trở về A. Hỏi lúc mấy giờ ca nô ấy về tới A? Biết vận tốc ca nô khi nước lặng là 25 km/giờ và vận tốc dòng nước là 5 km/giờ.

Lời giải

Vận tốc xuôi dòng là: $25 + 5 = 30$ (km/giờ).

Vận tốc ngược dòng là: $25 - 5 = 20$ (km/giờ).

Thời gian ca nô đi từ A tới B là: $72 : 30 = 2,4$ (giờ) = 2 giờ 24 phút.

Thời gian ca nô đi từ B tới A là: $72 : 20 = 3,6$ (giờ) = 3 giờ 36 phút.

Ca nô về tới A lúc: 5 giờ + 2 giờ 24 phút + 80 phút + 3 giờ 36 phút = 12 giờ 20 phút.

Đáp số: 12 giờ 20 phút.

Bài 4. (0,5 điểm) Khi đi cùng một quãng đường, nếu tăng vận tốc thêm 25% thì thời gian sẽ giảm đi bao nhiêu phần trăm?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Thời gian sẽ giảm đi: **20%**.

(Nếu tăng vận tốc thêm 25% ta được vận tốc mới bằng: $100\% + 25\% = 125\%$ (vận tốc ban đầu).

Do đó, vận tốc mới bằng $125\% = \frac{5}{4}$ vận tốc ban đầu.

Mà trên cùng 1 quãng đường, thời gian và vận tốc tỉ lệ nghịch với nhau nên:

Thời gian mới bằng $\frac{4}{5} = 80\%$ thời gian ban đầu.

Thời gian mới giảm so với thời gian ban đầu là: $100\% - 80\% = 20\%$ (thời gian ban đầu).

Vậy, khi đi cùng một quãng đường, nếu tăng vận tốc thêm 25% thì thời gian sẽ giảm đi 20%